

TÍNH TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC R-D - KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC

1. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.

Tổ chức nghiên cứu và phát triển (R-D) thuộc Nhà nước đã từng phát triển mạnh ở nhiều nước trên thế giới. Các nước tư bản đã thành lập nhiều tổ chức loại này trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Ở các tổ chức này, các nhà khoa học phải hướng vào phục vụ cho giá trị quốc gia. Từ những năm 30 của thế kỷ 20, truyền thống hạn chế ở Đức giữ vị trí hàng đầu thế giới đã sụp đổ và những chỗ giá trị của Đức quốc xã. Trong thế chiến thứ II, ở Mỹ đã ra đời đề án Mahatan lôi kéo hàng vạn nhà khoa học tham gia nghiên cứu vũ khí nguyên tử. Bên cạnh đó, các tổ chức khoa học thuộc Chính phủ cũng tiến hành các hoạt động nghiên cứu về tài nguyên, tiêu chuẩn, y tế, phát triển công nghiệp...

Ở các nước đang phát triển, các tổ chức R-D thuộc Nhà nước cũng xuất hiện khá phổ biến. Kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ II, ở các nước và lãnh thổ được độc lập, việc tiến hành công nghiệp hóa nhanh chóng nền kinh tế đất nước được coi là chìa khóa để phát triển. Kế hoạch hóa tập trung và sở hữu tập trung trong các khu vực then chốt thường được xem như con đường nhanh nhất và hiệu quả nhất để tăng cường độc lập về chính trị và kinh tế. Hệ thống tổ chức khoa học Nhà nước đã phát triển mạnh mẽ với ý nghĩa là công cụ phục vụ mục tiêu chính trị, kinh tế. Tại các nước XHCN trước đây, hệ thống tổ chức R-D thuộc Nhà nước là loại hình thống trị, thậm chí mang tính độc tôn.

Không thể phủ nhận những kết quả mà các tổ chức này mang lại. Sức mạnh quân sự của nước Đức, của nước Mỹ, sức mạnh kinh tế và quân sự một thời của Liên Xô (trước đây)... đã gắn liền với hệ thống tổ chức R-D thuộc Nhà nước. Tuy nhiên với những diễn biến của tình hình chính trị, kinh tế thời gian qua, loại hình tổ chức này đã và đang bộc lộ nhiều nhược điểm như hoạt động thiếu hiệu quả, ít gắn với cuộc sống, và trở thành gánh nặng tài chính đối với Nhà nước.

Những nhược điểm trên được nói đến ở mọi loại tổ chức R-D thuộc Nhà nước và có liên quan tới tính tự chủ của đơn vị khoa học và công nghệ (KH&CN). Ví dụ:

Trung Quốc: Thời kỳ trước cải cách trong khu vực KH&CN, hoạt động của các cơ quan R-D rất kém hiệu quả. Người ta nghi ngờ rằng phần lớn công việc do các viện nghiên cứu tiến hành đều không

TS. HOÀNG XUÂN LONG
Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN
Bộ KH&CN

Để thực hiện Luật khoa học và công nghệ, chúng ta đang tiến hành đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. 5 nội dung đột phá của đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ là tuyển chọn cơ quan, cá nhân chủ trì đề tài nghiên cứu; tự chủ về tài chính; đổi mới tổ chức khoa học và công nghệ; đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ và tăng cường cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ. Giữ thiếu kinh nghiệm của các nước trên thế giới về tự chủ của tổ chức nghiên cứu và triển khai thuộc Nhà nước của tác giả trong bài sẽ là những gợi ý tham khảo để giúp có những định hướng và giải pháp đổi mới hiệu quả tổ chức khoa học và công nghệ.

phải là R-D. Theo Sách trắng KH&CN Trung Quốc, cuộc điều tra năm 1986 cho kết quả là, đến với các viện nghiên cứu thuộc Trung ương thì hơn 50% chi tiêu không phải R-D; còn đối với các viện thuộc địa phương cấp quận, huyện thì con số đó là 80%.

Ở Mỹ: Hơn 2/3 phải minh trong thế kỷ XX là của các nhà sáng chế độc lập và các công ty nhỏ, trong khi đó, phần lớn các nhà bác học lại làm việc trong những tổ chức lớn, bao gồm cả tổ chức R-D thuộc Nhà nước.

Ở nhiều quốc gia khác, tình hình cũng tương tự. Nguyên nhân của tình trạng này một phần do thiếu cơ chế tự chịu trách nhiệm của tổ chức R-D thuộc Nhà nước. Chính vì lẽ đó, một số nhà nước đã tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị nghiên cứu bằng cách cắt giảm nguồn kinh phí được cấp và buộc các đơn vị này phải tìm kiếm những nguồn vốn khác để hoạt động và phát triển.

2. Ý NGHĨA CỦA VẤN ĐỀ TỰ CHỦ.

Tự chủ có tác dụng nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị R-D thuộc Nhà nước. Tuy nhiên, Nhà nước phải thể hiện vai trò chức năng quản lý vĩ mô của mình. Tự chủ hướng tới không thể bỏ qua bản chất vấn đề là tổ chức thuộc Nhà nước. Ở đây xuất hiện mâu thuẫn giữa đề cao vai trò Nhà nước và nhấn mạnh tính độc lập của đơn vị. Vậy mâu thuẫn này được giải quyết như thế nào? và trong những điều kiện, hoàn cảnh nào?

a. Quan hệ giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng.

Ở loại hình tổ chức R-D thuộc Nhà nước phụ định phương thức hoạt động KH&CN tự nhân, tính chất công hữu và toàn dân của quan hệ sở hữu đã trực tiếp chi phối quan hệ sử dụng. Bản thân các tập thể cán bộ khoa học không tồn tại như một chủ thể hoạt động KH&CN thực sự. Sự bất ổn của mô hình thống nhất quyền sở hữu và quyền sử dụng trên cơ sở công hữu được các nước XHCN trước đây khắc phục bằng cách tăng cường vai trò điều tiết trực tiếp của Nhà nước thông qua kế hoạch, sắp xếp lại mạng lưới cơ quan KH&CN... nhưng đều dẫn tới thất bại...

Không chỉ ở loại hình tổ chức R-D thuộc Nhà nước phụ định phương thức hoạt động KH&CN tự nhân, xu hướng chủ thể sử dụng bị lẫn át bởi chủ thể sở hữu diễn ra khá phổ biến, và ở mức độ nhất định ở cả loại hình tổ chức R-D thuộc Nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực mà tự nhân không muốn tham gia (tại các nước TBCHN). Nhìn chung, đó là những trường hợp Nhà nước quá đề cao vai trò chủ sở hữu mà quên mất mục tiêu chính là làm tốt những gì khu vực tự nhân không làm và coi nhẹ cả việc sử dụng các công cụ quản lý vĩ mô để điều tiết hoạt động KH&CN.

Khía cạnh khác của mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng là xu hướng quyền sử dụng thoát ly quyền sở hữu. Các nhà khoa học trong tổ chức R-D

thuộc Nhà nước có thể hoạt động khá tự do, đồng thời ít chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Như vậy, một trong những ý nghĩa của tự chủ là góp phần giải quyết mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng trong tổ chức R-D thuộc Nhà nước.

b. Những thay đổi về chính sách KH&CN.

Mức độ phụ thuộc hay độc lập của các tổ chức R-D thuộc Nhà nước tùy thuộc vào ý đồ sử dụng tổ chức này nổi bật và chính sách KH&CN nói chung của Nhà nước.

Có thể thấy rõ quá trình diễn biến của chính sách KH&CN ở các nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) từ chiến tranh thế giới thứ II đến nay, được chia làm ba giai đoạn:

- *Thứ nhất*, từ 1950 đến 1975, các chính sách dựa trên nhị thức "Quốc phòng/khoa học".

- *Thứ hai*, từ 1975 đến 1995, các chính sách dựa trên nhị thức "công nghiệp/công nghệ".

- *Thứ ba*, từ 1995 đến nay các chính sách dựa trên sự phối hợp "xã hội/đổi mới".

Trong giai đoạn *thứ nhất*, nghiên cứu khoa học phục vụ quân sự đóng vai trò quyết định. Việc xác định các ưu tiên nghiên cứu phụ thuộc vào chính trị và áp đặt từ trên xuống. Các tổ chức R-D thuộc Nhà nước hoạt động riêng rẽ là phương thức chủ yếu để Nhà nước thực hiện chính sách KH&CN. Trong bối cảnh đó, tính phụ thuộc của các tổ chức R-D thuộc Nhà nước rất lớn.

Ở *giai đoạn thứ hai*, mức độ phụ thuộc của các tổ chức R-D thuộc Nhà nước đã giảm dần. Mục tiêu chính trị này là kinh tế. Yếu tố quyết định là sức cạnh tranh trên thương trường. Bên cạnh cách thức thông qua các cơ quan nghiên cứu thuộc Nhà nước để thực hiện chính sách, Chính phủ đã quan tâm nhiều đến việc tổ chức các chương trình nghiên cứu tự hủi rộng rãi nhiều loại KH&CN trong xã hội.

Giai đoạn thứ ba đang diễn ra đã mở ra nhiều cơ hội và đòi hỏi tổ chức R-D thuộc Nhà nước thực hiện tự chủ. Hoạt động KH&CN thiên về nghiên cứu và triển khai có mục tiêu cho đến khi thương mại hóa. Việc xác định các ưu tiên chủ yếu dựa vào nhu cầu xã hội và theo cách tiếp cận từ dưới lên.

Như vậy, một trong những ý nghĩa của tự chủ của tổ chức R-D thuộc Nhà nước là đáp ứng yêu cầu của sự thay đổi về chính sách KH&CN của Nhà nước.

c. Xu hướng mới của KH&CN.

Đặc điểm nổi bật của xu hướng mới trong hoạt động KH&CN hiện nay có ảnh

hưởng tới tự chủ của tổ chức R-D thuộc Nhà nước là mối liên kết giữa nghiên cứu, phát triển công nghệ và sản xuất, kinh doanh. Quá trình từ phát minh khoa học đến sáng chế, phát triển công nghệ và đưa vào ứng dụng trong sản xuất ngày càng được rút ngắn.

Gần bộ chất chế giữa hoạt động KH&CN với hoạt động sản xuất đòi hỏi các viện nghiên cứu nội dung và viện nghiên cứu Nhà nước nội dung phải chủ động mở rộng quan hệ với doanh nghiệp, phải nâng động trước các diễn biến của đời sống kinh tế, và điều đó chỉ có thể thực hiện được đồng thời với việc tăng cường quyền tự chủ, thái độ tự chịu trách nhiệm của các tổ chức R-D.

3. NỘI DUNG TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC R-D THUỘC NHÀ NƯỚC.

a. Quyền sở hữu và quyền sử dụng trong tổ chức R-D thuộc Nhà nước.

Quan hệ quan trọng quyết định đến sự tồn tại của tổ chức R-D là quyền sở hữu của tổ chức đó. Quyền sở hữu bao gồm 3 quyền năng: Chiếm giữ, sử dụng và định đoạt đối tượng sở hữu. Với sở hữu Nhà nước, chủ thể định đoạt là Nhà nước nhưng chủ thể sử dụng lại là các đơn vị cụ thể. Vấn đề tự chủ sẽ phụ thuộc vào sự độc lập nhất định của quyền sử dụng và khả năng nắm giữ quyền sử dụng của các tổ chức này.

Tách quyền sử dụng với quyền định đoạt đối tượng sở hữu nhằm tạo tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ thể sử dụng đã từng diễn ra khá nhiều và khá sớm:

Điều đáng nhấn mạnh là sự độc lập của quyền sử dụng chỉ là tương đối, nó phải đặt trong mối quan hệ ràng buộc với các mặt khác của quyền sở hữu. Bởi vậy, tự chủ của tổ chức R-D thuộc Nhà nước có những khuôn khổ nhất định. Ngoài việc không thể thay đổi quyền chiếm giữ và quyền định đoạt đối với đối tượng sở hữu, thì hoạt động của tổ chức này còn phải định hướng phục vụ vào các mục tiêu của Nhà nước, mà chính nhờ những mục tiêu đó thì bản thân nó mới được ra đời.

b. Các mặt tự chủ của tổ chức R-D thuộc Nhà nước.

Hoạt động của tổ chức R-D thuộc Nhà nước liên quan đến nhiều mặt về hoạt động KH&CN, tài chính, quản lý nhân sự... Tự chủ của tổ chức này cũng diễn ra trên tất cả các mặt đó.

Về nhiệm vụ KH&CN.

Liên quan tới tự chủ của tổ chức R-D Nhà nước có thể chia làm 3 loại nhiệm vụ KH&CN.

Thứ nhất là những công việc được Nhà nước giao cụ thể và trực tiếp. Ví dụ như một số vấn đề cấp bách đã được xác định rõ về đối tượng nghiên cứu trong

quốc phòng, phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội... Với loại nhiệm vụ này, tổ chức R-D thuộc Nhà nước phải lĩnh hội và thực hiện. Giống như luật của nhiều nước, như luật khoa học và chính sách khoa học-kỹ thuật của Nga quy định: "Chính phủ Liên bang Nga và các cơ quan chính quyền hành pháp của chủ thể thuộc Liên bang Nga - người sáng lập ra các cơ quan khoa học quốc gia, có quyền ấn định cho cơ quan khoa học quốc gia một đặt hàng Nhà nước mang tính bắt buộc để thực hiện các nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm".

Thứ hai là các chủ đề nghiên cứu trong chức năng hoạt động của tổ chức R-D thuộc Nhà nước (đã được Nhà nước quy định). Trong một phạm vi khá rộng, viện nghiên cứu có quyền và phải tự lựa chọn ra các vấn đề nghiên cứu KH&CN cụ thể. Với những nhiệm vụ Nhà nước giao có tính định hướng, viện nghiên cứu cũng phải tự cụ thể hóa, xác định rõ các vấn đề cần tập trung giải quyết.

Nhìn chung, mức độ tự chủ của loại nhiệm vụ *thứ 2* cao hơn loại *thứ nhất*, nhưng giới hạn về tự chủ cũng rất rõ ràng. Ngoài giới hạn tính vụ, phạm vi xác định để tài theo chức năng và theo nhiệm vụ định hướng của Nhà nước giao trực tiếp, thông thường các kế hoạch nghiên cứu của đơn vị còn phải được Nhà nước xét duyệt mới cách chất chế.

Thứ ba là các hợp đồng mà tổ chức R-D thuộc Nhà nước ký kết với bên ngoài. Lựa chọn những hợp đồng nào hoàn toàn thuộc quyền tự chủ của các đơn vị trên cơ sở vận dụng các quy luật của kinh tế thị trường. Một số chương trình nghiên cứu của Nhà nước được mang ra đấu thầu cũng thuộc loại nhiệm vụ này. Không có tiêu chuẩn rõ ràng về sự cân bằng giữa ba loại nhiệm vụ trên, nhưng các nước đã chú ý đến mối quan hệ tương tác giữa đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đáp ứng đòi hỏi của nhà nước và yêu cầu của doanh nghiệp/thị trường...

Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

Nếu như ở khâu xác định nhiệm vụ nghiên cứu có sự khác nhau nhất định về mức độ độc lập, tự chủ giữa ba loại nhiệm vụ thì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu lại có xu hướng chung là tồn tại trong tính chủ động của bản thân tổ chức R-D thuộc Nhà nước. Các tổ chức này tự do xác định phương pháp nghiên cứu, tự do huy động và bố trí các nguồn lực phục vụ cho nghiên cứu....

Đối với tổ chức hoạt động KH&CN nói chung, đơn vị R-D thuộc Nhà nước thường có quyền tự do liên doanh, liên kết và phối hợp nghiên cứu với bên ngoài, được thành lập các doanh nghiệp khoa

học như Spin ở trên cơ sở các kết quả nghiên cứu ra. Các đơn vị cũng có thể thay đổi tổ chức, cơ cấu bên trong nhưng không được có biểu hiện xa rời nhiệm vụ, chức năng được giao. Sự chi phối của quyền sở hữu của Nhà nước có khi được thể hiện trên nguyên tắc nhưng cũng có khi rất cụ thể.

Về sử dụng, truyền bá kết quả nghiên cứu.

Các kết quả nghiên cứu là sản phẩm của việc sử dụng các nguồn lực tự huy động của tổ chức R-D thuộc Nhà nước sẽ thuộc quyền sử dụng của đơn vị. Vấn đề là những kết quả nghiên cứu sử dụng kinh phí của Nhà nước cấp thì quyền của các tổ chức này sẽ như thế nào? Đây là một chủ đề được thảo luận nhiều và cũng tồn tại những cách giải quyết khác nhau trong mỗi nước.

Ở Trung Quốc, lúc đầu người ta cho rằng quyền sở hữu thành quả nghiên cứu sử dụng kinh phí nhà nước phải thuộc về cơ quan nghiên cứu, nhưng sau đó đã thống nhất quyền sở hữu là của Nhà nước.

Trong các nước OECD cũng có sự khác nhau về quan niệm ai là chủ sở hữu

quyền sở hữu trí tuệ, ai là người có quyền chuyển giao, ai được thu lợi nhuận... Một số nước trong OECD đã có chương trình trao quyền sở hữu trí tuệ cho các nhóm nghiên cứu để tăng cường chế độ khuyến khích mua bán, cấp giấy sử dụng cho bên thứ ba. Còn ở Mỹ, sau khi thông qua đạo luật Bayh - Dole Aet năm 1980, các trường đại học được giao quyền sở hữu các sáng chế tạo ra bằng kinh phí Nhà nước trong một thời gian nhất định, nếu trường đại học thất bại thì sau thời gian đó, trường đại học phải trả lại quyền sở hữu cho Nhà nước.

Về quản lý tài chính.

Các tổ chức R-D thuộc Nhà nước được Nhà nước đảm bảo cung cấp một nguồn kinh phí thường xuyên phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nguồn kinh phí thường bao gồm chi cho các khoản về vốn cố định và vốn lưu động tối thiểu để đơn vị có đủ điều kiện tiến hành một số nội dung nghiên cứu cụ thể trong phạm vi chức năng của mình. Thủ tục phải tiến hành để nhận kinh phí từ Nhà nước khá phức tạp.

Ngoài kinh phí Nhà nước cấp, các tổ chức trên còn mở rộng nguồn vốn từ

nhiều hình thức như hợp đồng, sản xuất thử nghiệm, tài trợ, đi vay...

Về quản lý nhân lực.

Nhìn chung, tổ chức R-D thuộc Nhà nước có quyền chủ động trong việc tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và để đạt cân bằng nghiên cứu khoa học trong đơn vị. Trong đó, đáng chú ý hơn cả là vấn đề về quyền của thủ trưởng, tự chủ của cán bộ nghiên cứu, phân biệt giữa lực lượng cán bộ trong tổ chức với đối ngũ công chức nhà nước nói chung.

Là đơn vị thuộc Nhà nước, các tổ chức R-D thuộc Nhà nước có những quy chế hoạt động được cấp trên quy định rõ ràng. Đây là khuôn khổ để các thủ trưởng đơn vị sử dụng quyền hạn của mình.

Nhân lực hoạt động trong tổ chức R-D thuộc Nhà nước là một loại lao động khá đặc thù. Làm việc trong các cơ quan của Nhà nước thì dường như họ là những công chức Nhà nước, nhưng nghiên cứu khoa học thì lại cần có sự độc lập, tự chủ... Ở nhiều nước, mẫu thuẫn này được giải quyết bằng cách coi cán bộ nghiên cứu là loại công chức, viên chức đặc biệt, có bổ sung thêm một số quy chế riêng.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh

KHÓA HỢP 17 TIỂU BAN HỢP TÁC KH&KT VIỆT-HUNG



Tiểu ban KH&KT Việt Nam - Hungary đã tổ chức khóa họp lần thứ 17 tại Hà Nội từ 15 đến 19/12/2002. Đoàn Việt Nam do Thủ trưởng Bộ KH&CN Bùi Mạnh Hải làm Trưởng đoàn, Đoàn Hungary do ngài Pados Laszlo - Tổng giám đốc Tesco, Chủ tịch phân ban làm Trưởng đoàn.

Khóa họp đã tập trung kiểm điểm các kết quả hợp tác của Tiểu ban trong hai năm 2001-2002, bàn về chương trình hợp tác năm 2003 và thảo luận địa điểm, thời gian cho khóa họp lần thứ 18.

Trên cơ sở 10 chương trình hợp tác đã được thiết lập và thực hiện có hiệu quả trong nhiệm kỳ trước, hai bên đã thống nhất trong chương trình hợp tác năm 2003 sẽ phát triển thêm 6 lĩnh vực mới: Sử dụng thuốc thú y, hợp tác đào tạo công nhân lành nghề, hợp tác với Đài tiếng nói Việt Nam, hợp tác trong công nghiệp được, hợp tác về nuôi cá, sử dụng hiệu quả nguồn nước khoáng nóng. Hai bên cũng đã ký Nghị định thư khóa họp.

Tin và ảnh: Nguyễn Công Mai - Tạp chí: ĐHKH

THỦ TRƯỞNG HOÀNG VĂN HUỖY TIẾP ĐẠI SỨ ACHENTINA

Ngày 3/12/2002, tại trụ sở Bộ KH&CN, Thủ trưởng Hoàng Văn Huỷ đã có buổi làm việc với Đại sứ nước Cộng hòa Aentina Tomas Ferrary. Tại buổi làm việc, hai bên cùng khẳng định mối quan hệ hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực KH&CN giữa Việt Nam và Aentina, đặc biệt là trong 2 năm qua, kể từ khi 2 bên ký Nghị định thư hợp tác KH&CN. Trong thời gian tới, Aentina mong muốn được hợp tác với Việt Nam thực hiện Dự án chuyển giao công nghệ máy xạ trị Coban và tiến tới sẽ giúp Việt Nam chế tạo máy theo thiết kế của Aentina, bởi đây đang là một nhu cầu lớn trong các bệnh viện ở Việt Nam. Nhân dịp này, ngài Đại sứ đã trao cho Thủ trưởng Hoàng Văn Huỷ Công hàm của Đại sứ quán Aentina về việc tặng 5 suất học bổng cho các cán bộ KH&CN của Việt Nam sang học tập và nghiên cứu tại Aentina thời gian tới.



Tin và ảnh: Nguyễn Hương Giang - Tạp chí: ĐHKH